

Số: 11/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu

về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2025 và những năm tiếp theo;

Xét Tờ trình số 3166/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

b) Các cơ quan, tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

c) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Mức thu phí, lệ phí

1. Mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ bằng 0 đồng (không đồng) đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết các khoản phí, lệ phí tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

2. Các nội dung khác về đối tượng, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khoá XIX, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra VB và XLVBHC (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- TT phục vụ HCC (VP UBND tỉnh);
- Lưu VT, CTHĐ (PL).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu

PHỤ LỤC

Các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Danh mục phí, lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu phí, lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến
I	PHÍ		
1	Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng; Phí bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp; Phí bình tuyển, công nhận rừng giống	Đồng/Lần	0
2	Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố	Đồng/m ² /tháng	0
3	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Báo cáo	0
4	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Phương án	0
5	Phí thẩm định hồ sơ cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phí thẩm định hồ sơ chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp	Đồng/Hồ sơ	0
6	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Đề án, báo cáo	0
7	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Hồ sơ	0

8	Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Đề án	0
9	Phí thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	Đồng/Giấy phép	0
10	Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (chưa bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu)	Đồng/Hồ sơ, tài liệu	0
11	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/Hồ sơ	0
12	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Hồ sơ	0
13	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai	0
II	LỆ PHÍ		
1	Lệ phí hộ tịch	Đồng/Trường hợp	0
2	Lệ phí cấp mới, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện)	Đồng/Giấy phép	0
3	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	Đồng/Giấy	0
4	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Đồng/Giấy phép	0
5	Lệ phí đăng ký kinh doanh	Đồng/Lần	0